

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC-PT

Ngày: 12 - 6 - 2022

V/v: Huỷ bỏ quyết định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thị Hải Dương

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Viết Hải; Ông Trần Hữu Sỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 2 năm 2022 về yêu cầu “Huỷ quyết định giải quyết khiếu nại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hoàng Tấn Th, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố m, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, thành Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố m, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Hoàng Tấn Th trình bày:

Ngày 19/12/2020 ông Hoàng Tấn Th là một trong 15 hộ dân ở tại các Tổ dân phố 11, 12, 13, 14 phường B đứng đơn khiếu nại về việc: Đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng ở khu vực đồng P, phường B, được Chủ tịch UBND phường B giải quyết tại Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 30/03/2020 (gọi tắt là quyết định 155). Theo Quyết định số: 155 xác định trong 15 người đứng đơn khiếu nại có 03 người khiếu nại đúng, trong đó có ông Hoàng Tấn Th. Do yêu cầu khiếu nại của ông Th đã được giải quyết và chấp thuận nên ông không tiếp tục khiếu nại lần hai.

Tuy nhiên, sau 08 tháng kể từ ngày Chủ tịch UBND phường B ra Quyết định giải quyết khiếu nại số: 155 thì ngày 30/11/2020 UBND phường B lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1037/QĐ-UBND để xem xét lại nội dung khiếu nại của ông Th được giải quyết đã có hiệu lực pháp luật. Quyết định 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 đã bác yêu cầu khiếu nại của ông Th liên quan đến 12.250m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trồng lúa được xác định được giao đất theo Nghị định 64/CP sang thuê quỹ đất công ích 5% của phường quản lý, như vậy là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th.

Không đồng ý với Quyết định số 1037, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới hủy Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 vì ban hành không đúng trình tự quy định của pháp luật, cụ thể:

- Quyết định 155 sau 30 ngày ban hành đã có hiệu lực pháp luật theo khoản 1 và 4, Điều 44 Luật khiếu nại 2011.

Hơn nữa, tại các Điều 31 và Điều 40 - Luật Khiếu nại 2011, không có bất kỳ quy định nào cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu, lại được quyền tiếp tục giải quyết khiếu nại lần hai như trường hợp giải quyết khiếu nại của UBND phường Bắc Lý là vi phạm quy định tại khoản 9, Điều 6 – Luật Khiếu nại 2011: “Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại.” cũng như các quy định tại Nghị Định 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

- Mặt khác, tại Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ ở Điều 1 phần quyết định có nội dung: *“Giữ nguyên Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND phường B về việc giải quyết khiếu nại của 15 hộ dân tại ruộng đồng P, phường B”*.

- Ngoài ra, như đã phân tích phần khiếu nại của ông Hoàng Tấn Th được UBND phường B xác minh, thẩm tra, thẩm định và đã được Chủ tịch UBND phường B ra Quyết định số 155/QĐ-UBND công nhận nội dung khiếu nại của riêng ông Th là đúng và quyết định trên đã có hiệu lực pháp lý theo quy định và có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 13 – Nghị Định 75/2012/NĐ-CP đối với trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại là Chủ tịch UBND phường B.

Như vậy, theo quy định của pháp luật cũng như thông qua quyết định số 5079/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đ đã công nhận Quyết định số 155/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường B là đúng và giữ nguyên nội dung nhận định và kết luận của quyết định trên. Vì vậy, sau đó, vào ngày 30/11/2020 UBND phường B tiếp tục ban hành Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 đi ngược lại hai quyết định trên cũng như vi phạm khoản 1, Điều 44 Luật Khiếu nại 2011.

Vậy UBND phường B căn cứ vào các điều khoản nào của pháp luật quy định cần phải trích dẫn cụ thể, khi hoàn toàn không có ai khiếu nại Quyết định số 155/QĐ-UBND, để làm cơ sở để tiếp tục giải quyết khiếu nại lần 02 của ông Hoàng Tấn Th, sau khi Chủ tịch UBND thành phố Đ trước đó vào ngày 19/11/2020 ra Quyết định số 5079/QĐ-UBND công nhận Quyết định số 155/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường B là đúng;

Mặt khác, Quyết định số: 1037/QĐ-UBND căn cứ vào Công văn số 2147/UBND-TTr ngày 19/11/2020 của Thanh tra UBND thành phố Đ để làm căn

cứ giải quyết việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND phường B là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý vì Công văn số 2147/UBND-TTr của Thanh tra UBND thành phố Đồng Hới không phải là quy phạm pháp luật bắt buộc để làm căn cứ giải quyết yêu cầu khiếu nại của công dân đã có hiệu lực pháp luật và có giá trị thi hành như tôi đã chứng minh. Mặt khác, chính Công văn số 2147/UBND-TTr ban hành ngày 19/11/2020 của UBND thành phố Đ hoàn toàn mâu thuẫn với Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Hơn nữa, Thanh tra UBND thành phố Đ là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực thanh tra trực thuộc UBND thành phố Đ, vì vậy Quyết định hành chính cá biệt số 5079/QĐ-UBND đương nhiên có giá trị pháp lý cao hơn Công văn hành chính số 2147/UBND-TTr ngày 19/11/2020 của Thanh tra UBND thành phố Đ.

Tại khoản 6, Điều 2 Luật Khiếu nại 2011 thì người giải quyết khiếu nại phải là Chủ tịch UBND cấp phường chứ không phải là UBND cấp phường. Có nghĩa là thẩm quyền giải quyết khiếu nại thuộc về thẩm quyền cá nhân Chủ tịch UBND phường B chứ không phải thuộc về thẩm quyền của tập thể UBND phường B. Vì vậy, UBND phường B ban hành Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 để giải quyết một phần nội dung khiếu nại trước đó của ông Th đã được giải quyết bằng Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 30/03/2020 của Chủ tịch UBND phường B đã có giá trị pháp lý là hoàn toàn trái thẩm quyền.

Mặt khác, tại Điều 1 của Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 có nội dung: *“Các hộ dân đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất ruộng tại đồng Phú Xá là không có cơ sở”*. Trong khi theo quy định tại khoản 2, Điều 105 – Luật Đất đai 2013: *“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân”* như vậy UBND cấp xã/phường hoàn toàn không có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ mà thẩm quyền này thuộc về UBND cấp huyện

Như vậy, theo quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2013 và khoản 3, Điều 7 Nghị Định 75/2012/NĐ-CP dù hoàn toàn không có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ nhưng UBND phường B vẫn đứng ra giải quyết khiếu nại đối với đề nghị cấp GCNQSDĐ (thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đ - và UBND phường B đứng ra phải chuyển đơn khiếu nại lên cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ để giải quyết) của các hộ dân là hoàn toàn không đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai 2013 và Nghị Định 75/2012/NĐ-CP.

Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND phường B mặc dù chứa đựng tính chất mệnh lệnh hành chính theo quy định tại khoản 1, Điều 3 – Luật Tổ tụng Hành chính 2015: *“1. Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.”*, tuy nhiên thể thức ban hành văn bản của Quyết định số: 1037/QĐ-UBND thể hiện ở phần đầu là Chủ tịch UBND phường B ra quyết định nhưng ở phần ký và đóng dấu là thuộc về tập thể UBND phường B mà ông Chủ tịch thay mặt UBND phường B ký đại diện, là hoàn

toàn không đúng với quy định tại khoản 3, Điều 6 – Luật Khiếu nại 2011, nên đương nhiên là trái với thể thức ban hành văn bản theo luật định.

Về nội dung: thời điểm ông Ph được phân công để chia quỹ đất nông nghiệp cho gia đình ông Th và các hộ dân khác vào năm 1994 là mốc thời gian để xác định các hộ xã viên Hợp tác xã nông nghiệp Bắc Lý đủ các điều kiện để Nhà nước xem xét công nhận và cấp GCNQSDĐ theo quy định tại các Điều 100, 101 – Luật Đất đai 2013 và các Điều 18, 20, 21 của Nghị Định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ trong khi đó, quyết định 1037 nhận định “Ông Ph không có thẩm quyền để giao lại ruộng cho ông Hoàng Tấn Th theo quy định của pháp luật”. Từ những vi phạm trên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo để hủy quyết định 1037 nói trên của Chủ tịch UBND phường B.

*Người bị kiện Chủ tịch UBND phường B trình bày:*

Ngày 19/02/2020 UBND phường nhận đơn khiếu nại của 15 hộ dân, trong đó có ông Hoàng Tấn Th với nội dung xóa đất 5% đồng P và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ. UBND phường đã thụ lý xác minh nội dung đơn khiếu nại về nguồn gốc và thời điểm sử dụng ông Th thuê ruộng đồng P cụ thể như sau:

Đất đồng P là đất sản xuất của HTX nông nghiệp B được đưa vào phương án chia đất cho người dân nông nghiệp theo NĐ 64/CP . Tuy nhiên do khu vực ruộng P là ruộng sâu, thời điểm năm 1994 tưới tiêu không thuận lợi, diện tích chia nhỏ, manh mún, sản xuất lúa một vụ, hiệu quả năng suất thấp nên các hộ dân thuộc đối tượng được chia đất theo nghị định 64/CP đều không nhận, không sử dụng và bỏ hoang. Do đó, toàn bộ diện tích tại đồng P sau khi thực hiện chia đất theo NĐ 64 do dân không nhận nên phường tổ chức quản lý. Đến năm 1996 một số hộ dân có nhu cầu sử dụng nên UBND phường đã ký hợp đồng kinh tế sản xuất đất nông nghiệp với các hộ dân có nhu cầu để đưa một phần ruộng khu vực P vào sử dụng theo hình thức thuê đất công ích, thời hạn 20 năm. Đến năm 2001, xét thấy thời hạn cho thuê đất của các hộ không đúng quy định pháp luật nên UBND phường đã có quyết định số 21/QĐ-UB ngày 02/7/2001 về việc hủy bỏ thời hạn hợp đồng thuê đất giữa các hộ dân với UBND phường tại đồng P để ký lại hợp đồng thuê đất 5% với các hộ theo thời hạn quy định của luật đất đai. Sau thời điểm này có thêm một số hộ dân khác có đơn xin đấu thầu ruộng 5% và đã ký hợp đồng thuê đất 5% với UBND phường B để sử dụng. Sau khi ký các hộ đã phát huy hiệu quả sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng thuê đất 5% đã ký liên tục từng lần 5 năm một hợp đồng cho đến khi khiếu nại.

Đối với ông Hoàng Tấn Th thời điểm chia đất theo Nghị định 64 do chưa tách hộ nên được chia chung cùng gia đình, chủ hộ bà Trần Thị Th (mẹ ông Th). Đến năm 1997 ông Th bắt đầu hợp đồng thuê ruộng tại hợp đồng cho thuê đất ngày 19/12/1997 tại vùng Bần với diện tích 13.725m<sup>2</sup> thời hạn thuê từ năm 1998 đến năm 2015. Ngày 03/11/1998 UBND phường B tiếp tục hợp đồng thuê đất công ích 5% với ông Th và bà Nguyễn Thị N (Vợ ông Th) diện tích 10.000m<sup>2</sup>, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký.

Ngày 19/02/2001 ông Th làm đơn xin trả ruộng với diện tích 02 mẫu (tương đương 10.000m<sup>2</sup>) với lý do gia đình không đủ điều kiện để canh tác số ruộng trên. Ngày 09/8/2001 ký hợp đồng sử dụng đất công ích 5% số 04/HĐ-UB với diện tích

24.346m<sup>2</sup>. Năm 2011 ký hợp đồng kinh tế số 32/HĐKT về việc sử dụng đất công ích 5%. Năm 2016 ký hợp đồng kinh tế số 42/HĐKT về việc sử dụng đất công ích 5%. Theo hồ sơ lưu trữ tại phường từ năm 2011 đến nay ông Th vẫn hợp đồng với UBND phường B tại ruộng đồng P với diện tích 16.619m<sup>2</sup> và hàng năm ông Th chấp hành theo nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng.

Sau khi thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của luật khiếu nại. UBND phường Bắc Lý đã ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 về việc giải quyết đơn khiếu nại của 15 hộ dân hợp đồng ruộng đồng Phú Xá để sản xuất. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần 01 của Chủ tịch UBND phường B, 14 hộ dân đã khiếu nại lần 02 đến Chủ tịch UBND thành phố Đ (Ông Hoàng Tấn Th không khiếu nại lần 02 do tại quyết định số 155/QĐ-UBND đã công nhận một phần diện tích đất ruộng P cho ông). Sau khi tiếp nhận giải quyết đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành giải quyết khiếu nại lần 02 không công nhận nội dung khiếu nại của các hộ, trong đó đối với hộ ông Trần Đình L và bà Đặng Thị Ph có yêu cầu sửa đổi một phần và hủy bỏ Quyết định 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 với lý do UBND phường công nhận một phần diện tích trong số diện tích đã hợp đồng cho thuê đất là sai. Đồng thời có Công văn số 2147/UBND –TTr ngày 19/11/2020 yêu cầu UBND phường kiểm tra, rà soát và điều chỉnh lại Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 đối với phần diện tích đã công nhận cho ông Hoàng Tấn Th vì các giấy tờ chưa đủ để làm căn cứ diện tích đất trên. Ngày 30/11/2020 UBND phường ra Quyết định số 1037/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020.

Qua kiểm tra UBND phường đã giải quyết khiếu nại lần 01 là đúng, tuy nhiên tại Điều 2 của Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 có nội dung “Công nhận kết luận tại buổi làm việc ngày 26/3/2020 của UBND phường Bắc Lý về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của các hộ dân tại ruộng đồng P và đề nghị UBND thành phố Đ xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Trần Đình Luyện 3.500m<sup>2</sup>; hộ bà Đặng Thị Phụng 1.500m<sup>2</sup>; hộ ông Hoàng Tấn Th 12.250m<sup>2</sup>..” là không có cơ sở.

- Hộ ông Hoàng Tấn Th được chia theo Nghị định 64 theo suất của bà Trần Thị Th (mẹ ông Th) thời điểm chia Nghị định 64 ông Th ở chung với bà Th.

- Toàn bộ diện tích tại đồng P chỉ được lên phương án chia cho các hộ dân trong toàn phường, nhưng chưa thực hiện giao cho các hộ. Do các hộ không nhận ruộng nên thuộc UBND phường tổ chức quản lý từ năm 1994 cho đến nay và hợp đồng cho các hộ thuê ruộng.

- Hộ ông Hoàng Tấn Th hợp đồng để sản xuất từ năm 1997 cho đến nay không phải từ năm 1994. Nếu sử dụng để sản xuất nông nghiệp theo nghị định 64 là phải liên tục ổn định từ năm 1994 cho đến nay thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích ruộng Phú Xá do UBND phường quản lý nên năm 2003 khi có chủ trương dồn điền đổi thửa, UBND phường không đưa vào phương án dồn điền đổi thửa mà để cho thuê.

Do đó, UBND phường không đồng ý hủy bỏ quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND phường B.

Ngày 13/01/2022 Tòa án nhận được văn bản trình bày của UBND phường B đề ngày 16/12/2021 trình bày về một số nội dung về yêu cầu khởi kiện của ông Th trong đó khẳng định một số nội dung tại Quyết định 1037 cụ thể: Nội dung trong đơn nêu ý kiến UBND phường ép các hộ dân ký hợp đồng với thời hạn 5 năm một lần tại ruộng đồng Phú Xá là không đúng. Các hộ dân đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất ruộng đồng Phú Xá là không có cơ sở. Hủy Điều 2 của Quyết định 155 là đúng quy định của pháp luật. Điều 2 của Quyết định 155 đã ban hành trước đây chưa đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng Hành chính; Căn cứ Điều a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 99, 100, 105 Luật Đất đai 2013; Điều 31 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tấn Th yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/01/2022, ông Hoàng Tấn Th kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới và hủy bỏ quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người bị kiện đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu: Về tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện, hủy quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến người khởi kiện, người bị kiện và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Tòa cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết, đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Hoàng Tấn Th yêu cầu hủy quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND phường B vì sai trình tự thủ tục và không có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 19/2/2020, Ông Hoàng Tấn Th cùng 14 hộ dân khác trên địa bàn phường B có đơn khiếu nại đến UBND phường B đề nghị xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP làm cơ sở để đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cánh đồng Phú

Xá. Ngày 30/3/2021, Chủ tịch UBND phường B ra quyết định giải quyết khiếu nại số 155/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 của 15 hộ dân, công nhận nội dung khiếu nại của 3 hộ, trong đó có hộ ông Hoàng Tấn Th khiếu nại đúng. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, 14 hộ khiếu nại lần 2 lên Chủ tịch UBND thành phố Đ. Riêng hộ ông Hoàng Tấn Th không khiếu nại.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật khiếu nại thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 155/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 có hiệu lực pháp luật đối với ông Hoàng Tấn Th sau 30 ngày kể từ ngày ban hành.

Theo khoản 4 Điều 44 Luật khiếu nại, Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thì hành ngay và những người có trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được quy định tại Điều 45 Luật khiếu nại.

Theo Luật giải quyết khiếu nại thì không có quy định về trường hợp xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, theo Điều 20 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành luật khiếu nại thì khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung khiếu nại, Thủ tướng chính phủ yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc hoặc giao cho tổng thanh tra chính phủ, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra xem xét lại vụ việc, báo cáo thủ tướng chính phủ chỉ đạo giải quyết. Ở đây, dựa trên kết luận của Thanh tra thành phố tại Văn bản số 2147/UBND-TTr ngày 19/11/2020, Chủ tịch UBND phường Bắc Lý ban hành Quyết định số 1037/QĐ-UBND để sửa quyết định số 155 – Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 đã có hiệu lực pháp luật là không đúng trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30 Luật khiếu nại.

Quyết định 1037/QĐ-UBND không có nội dung của một quyết định giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại và Mẫu số 15-KN ban hành kèm theo thông tư số 01/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định trình tự giải quyết khiếu nại.

UBND phường B tại văn bản ngày 4/5/2022 viện dẫn quy định tại Điều 57 Luật tổ tụng hành chính để cho rằng UBND phường có quyền sửa đổi, hủy bỏ quyết định hành chính... bị kiện trong trường hợp này là không chính xác vì Quyết định số 155/QĐ-UBND là quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nên việc hủy bỏ, điều chỉnh phải tuân theo trình tự thủ tục được quy định tại Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để hủy quyết định 1037/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường B. Trường hợp phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật không đúng pháp luật, người ra quyết định giải quyết khiếu nại cần báo cáo cấp trên có thẩm quyền để xem xét lại theo đúng trình tự quy định.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên ông Th không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Sửa án phí hành chính theo đúng quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính; Các Điều 26,27,28,29,30,31, 44, 45 Luật Khiếu nại; Điều 20 Nghị định 75/2012/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại; Thông tư số 01/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định trình tự giải quyết khiếu nại; Nghị Quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện để sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Hoàng Tấn Th về yêu cầu hủy Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Ông Hoàng Tấn Th không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0006757 ngày 26/3/2021, được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0001096 ngày 26/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Chủ tịch UBND phường B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS TP. Đồng Hới;
- TA TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ;
- Lưu Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Từ Thị Hải Dương**